|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | UỶ BAN NHÂN DÂN ..................  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  **TRƯỜNG THCS ..................**  ***(Đề có 02 trang)*** | **KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **Năm học : ..................**  **MÔN: TOÁN 6**  **Ngày kiểm tra : 16/05/2022**  **Thời gian làm bài: *90* phút**  *(Không kể thời gian phát đề)* | |

**Bài 1 (*1,5 điểm*).** Tính:

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. 1,5 . 2 – 2,45 |

**Bài 2 (*1,5 điểm*).**

1) Trong tuần, bạn Nam rảnh vào các ngày thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu và Chủ nhật. Bạn Nam chọn một trong những ngày đó để đi học vẽ. Hãy liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra.

2) Trong cặp táp của Ngọc có 1 cuốn sách giáo khoa Toán, 1 cuốn sách giáo khoa Ngữ văn, 1 cuốn sách giáo khoa Công nghệ. Ngọc lấy ra 2 cuốn sách từ trong cặp. Hỏi các sự kiện sau là chắc chắn, không thể hay có thể xảy ra?

1. Ngọc lấy được 1 cuốn sách Toán và 1 cuốn sách Công nghệ.
2. Ngọc lấy được 1 cuốn sách Ngữ văn và 1 cuốn sách Tiếng Anh.

**Bài 3 (*1 điểm*).** Tỉ số 6 trận thi đấu gần đây nhất giữa hai động bóng A và B được cho ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trận** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **Tỉ số**  **(đội A – đội B)** | 2 – 3 | 1 – 0 | 2 – 1 | 1 – 2 | 1 – 3 | 2 – 2 |

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện sau trong mỗi trận đấu:

1. Đội A thắng đội B.
2. Hai đội hòa nhau.

**Bài 4 (*1,5 điểm*).** Cửa hàng A bán một ly trà sữa với giá là 50 000 đồng. Vào dịp Giáng Sinh, cửa hàng có chương trình giảm giá 15% cho một ly trà sữa.

1. Số tiền phải trả để mua một ly trà sữa sau khi giảm giá ở cửa hàng A là bao nhiêu?
2. Bạn Hà mua 12 ly trà sữa với giá đã giảm thì phải trả bao nhiêu tiền?
3. Cửa hàng B bán một ly trà sữa cũng với giá 50 000 đồng nhưng có hình thức khuyến mãi như sau: mua 5 ly trà sữa thì được miễn phí 1 ly. Bạn Hà mua 12 ly trà sữa thì chọn cửa hàng nào có lợi hơn?

**Bài 5 (*1,5 điểm*).** Vào tháng 3, một cửa hàng bán chanh dây với giá 35 000đ/kg. Sang tháng 4, cửa hàng tăng giá bán chanh dây thêm 10% so với giá bán tháng 3.

1. Tính giá bán 1 kg chanh dây của cửa hàng trong tháng 4.
2. Chú Ba dùng 100 000 đồng để mua chanh dây trong tháng 4 thì mua được bao nhiêu kg? Làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất.

**Bài 6 (*2,5 điểm*).**

1) Đọc tên góc, cho biết số đo và phân loại các góc trong hình dưới đây

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình 1** | **Hình 2** |

2) Vẽ đoạn thẳng AB = 10cm.

1. Vẽ M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính độ dài đoạn thẳng MB.
2. Vẽ K là trung điểm của đoạn thẳng MB. Tính độ dài đoạn thẳng MK.

**Bài 7 (*0,5 điểm*).** Có ba bình đựng nước. Nếu ta rót  lượng nước từ bình thứ nhất sang bình thứ hai rồi rót  lượng nước hiện có từ bình thứ hai sang bình thứ ba và cuối cùng rót  lượng nước hiện có từ bình thứ ba sang bình thứ nhất thì trong mỗi bình đều có 9 lít nước. Hỏi lúc đầu mỗi bình chứa bao nhiêu lít nước?

**--- HẾT ---**

***(Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài.***

***Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)***

**ĐÁP ÁN TOÁN 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(1,5đ)** | a) | 0,5 + 0,25 |
| b) 1,5 . 2 – 2,45 = 3 – 2,45 = 0,55 | 0,5 + 0,25 |
| **2**  **(1,5đ)** | 1) A = {Thứ hai, thứ tư, thứ sáu, chủ nhật} | 0,25 x 4 |
| 2) a) Có thể xảy ra  b) Không thể xảy ra | 0,25  0,25 |
| **3**  **(1đ)** | a) | 0,5 |
| b) | 0,5 |
| **4**  **(1,5đ)** | a) Số tiền phải trả để mua một ly trà sữa sau khi giảm giá ở cửa hàng A:  50 000 . (100% – 15%) = 42 500 (đồng) | 0,25  0,25 |
| b) Số tiền bạn Hà phải trả:  42 500 . 12 = 510 000 (đồng) | 0,25 |
| c) Số tiền mua 12 ly trà sữa ở cửa hàng B:  50 000 . 10 = 500 000 (đồng)  Vậy mua trà sữa ở cửa hàng B lợi hơn. | 0,5  0,25 |
| **5**  **(1,5đ)** | a) Giá bán 1 kg chanh dây của cửa hàng trong tháng 4:  35 000 . (100% + 10%) = 38 500 (đồng) | 0,5 |
| b) Số kg chanh dây chú Ba mua được:  100 000 : 38 500 = 200 / 77  ≈ 2,6 (kg) | 0,5  0,5 |
| **6**  **(2,5đ)** | 1) Hình 1: , góc nhọn  Hình 2: , góc vuông | 0,25  0,25 |
| 2)    a) Vì M là trung điểm AB nên MB = AB : 2 = 10 : 2 = 5 (cm)  b) Vì K là trung điểm MB nên MK = MB : 2 = 5 : 2 = 2,5 (cm) | Hình vẽ:  0,5  0,5  0,5 |
| **7**  **(0,5đ)** | Sau khi rót  lượng nước hiện có từ bình thứ ba sang bình thứ nhất thì lượng nước rót sang bình thứ nhất bằng  lượng nước còn lại, tính là bình thứ nhất đã nhận thêm 1 lít.  Do đó  lượng nước của bình thứ nhất bằng: 9 – 1 = 8 (lít).  Vậy lượng nước của bình thứ nhất là:  (lít).  Sau khi rót  lượng nước hiện có từ bình thứ hai sang bình thứ ba thì lượng nước rót sang bình thứ ba bằng  lượng nước còn lại, tức là bình thứ ba đã nhận thêm 3 lít.  Vậy lượng nước của bình thứ ba là: 9 + 1 – 3 = 7 (lít).  Và lượng nước của bình thứ hai là: 9 . 3 – 12 – 7 = 8 (lít). | 0,5 |

**MA TRẬN TOÁN 6**

**I. Xác định mục tiêu**

***1. Kiến thức:*** Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh sau khi học xong học kì II năm học 2021- 2022. Để đánh giá kết quả năm học.

Cụ thể, kiểm tra về:

**+ Số học :** Về phân số và số thập phân. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm

**+ Hình học:** Những hình học cơ bản

***2. Năng lực: Giúp h/s hình thành và phát triển:***

***+*** Năng lực tư duy và lập luận toán học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

+ Năng lực mô hình hoá toán học.

+ Năng lực sử dụng công cụ học toán.

+ Năng lực giao tiếp.

1. ***Phẩm chất:***

+ Rèn luyện tính trung thực khi làm bài kiểm tra.

**II. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá**

1. Xác định thời điểm đánh giá: Thời điểm đánh giá là cuối học kỳ II Lớp 6

2. Xác định phương pháp, công cụ:

+ Phương pháp: Kiểm tra viết.

+ Công cụ: Câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra.

**III. Lựa chọn, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá.**

**1. Cấu trúc của đề.**

* Số lượng: 01 đề minh họa môn Toán ở lớp 6.
* Đề minh họa gồm 2 phần: Trắc nghiệm khách quan (TN) và Tự luận (TL). + Phần TNKQ có 20 câu (Mỗi câu 0,25 điểm) tổng điểm là 5 điểm.

+ Phần TL có 4 câu (Mỗi câu tự luận gồm nhiều câu thành phần) tổng điểm tự luận là 5 điểm

* Thời gian làm bài: 90 phút.

**2. Ma trận đề:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**    **Chủ đề** | **Mức 1**  **(Nhận biết)** | | **Mức 2:**  **Thông hiểu** | | **Mức 3**  **Vận dụng** | | | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | |
| **KQ** | **TL** | **KQ** | **TL** | **KQ** | **TL** | **KQ** | **TL** |
| **1. Về phân số** | -Nhận biết thứ tự phép tính đơn giản | | Hiểu và lựa chọn đúng phương án có lợi khi mua hàng | | Giải bài toán về giá trị phân số của một số (tỉ lệ phần trăm)  Giải bài toán đố liên quan đến tăng giảm giá | | Tính giá trị phân số của một số qua nhiều giai đoạn khác nhau | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 1  0,75  7,5% | | 1  1,0  10% | | 2  1.5  15% | | 1  0,5  5% | | 5  3,75  37,5% |
| **2. Số thập phân** | Nhận biết thứ tự phép tính đơn giản | | Hiểu quy tắc làm tròn số | |  | |  | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 1  0,75  7,5% | | 1  0,5  5% | |  | |  | | 2  1,25  12,5% |
| **3. Những hình hình học cơ bản** | Nhận biết được các loại gọc trong hình học | | Tính toán độ dài đoạn thẳng (áp dụng trung điểm) | |  | |  | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 2  1,5  15% | | 1  1,5  15% | |  | |  | | 3  3  30% |
| **4. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm** | -Nhận biết các kết quả xảy ra của sự kiện | | Hiểu và phân loại sự kiện | | Vận dụng công thức xác suất để tính xác suất thực nghiệm của sự kiện trong thực tế | |  | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | *1*  *1,0*  10% | | 1  0,5  5% | | 1  0.5  5% | |  | | 3  2  20% |
| Tổng số câu  Tổng số đ  *Tỉ lệ %* | 5  4  40% | | 4  3,5  35% | | 3  2,0  20% | | 1  0,5  5% | | 13  10  100% |